

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 007/EB/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028.39958368

Fax: 028.39958423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Sữa tươi tách béo một phần tiệt trùng Prosperite**

2. Thành phần: Sữa bò tươi 100%.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 10 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Thể tích thực: 500 ml, 1 L hoặc theo nhu cầu của khách hàng.
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong chai nhựa.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (sản phẩm nhập khẩu): INGREDIA - 51 Avenue F.Lobbedez CS60946, 62033 ARRAS Cedex – France (Pháp)

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Yêu cầu về an toàn thực phẩm và phương pháp thử: theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 5-1:2010/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng.

1. Chỉ tiêu lý hóa

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn
1.	Hàm lượng protein sữa	%	$\geq 2,7$
2.	Tỷ trọng ở 20 ⁰ C	-	$\geq 1,026$

2. Hàm lượng kim loại nặng

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Hàm lượng chì	mg/kg	0,02
2	Hàm lượng stibi	mg/kg	1,0
3	Hàm lượng arsen	mg/kg	0,5
4	Hàm lượng cadimi	mg/kg	1,0
5	Hàm lượng thủy ngân	mg/kg	0,05

3. Chỉ tiêu vi sinh vật

Stt	Tên chỉ tiêu	Kế hoạch lấy mẫu		Giới hạn	
		n ¹⁾	c ²⁾	m ³⁾	M ⁴⁾
1	Enterobacteriaceae	5	2	< 1 CFU/ml	5 CFU/ml
2	<i>L.momocytogenes</i>	5	0	100 CFU/ml	

1) n: số đơn vị mẫu được lấy từ lô hàng cần kiểm tra.

2) c: số đơn vị mẫu tối đa có thể chấp nhận hoặc số đơn vị mẫu tối đa cho phép vượt quá chỉ tiêu vi sinh vật m. Nếu vượt quá số đơn vị mẫu này thì lô hàng được coi là không đạt.

3) m: số lượng hoặc mức tối đa vi khuẩn có trong 1 gam sản phẩm; các giá trị vượt quá mức này thì có thể được chấp nhận hoặc không được chấp nhận.

4) M: là mức vi sinh vật tối đa được dùng để phân định giữa chất lượng sản phẩm có thể đạt và không đạt.

4. Độc tố vi nấm

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Hàm lượng aflatoxin M1	µg/kg	0,5

5. Dư lượng thuốc thú y

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Chlortetracyclin	µg/kg	100
2	Benzylpenicilin	µg/kg	4
3	Dihydrostreptomycin	µg/kg	200
4	Gentamicin	µg/kg	200
5	Spiramycin	µg/kg	200

6. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Cyfluthrin	mg/kg	0,4
2	Aldrin và dieldrin	mg/kg	0,006
3	DDT	mg/kg	0,02
4	Endosulfan	mg/kg	0,01

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ THÁC
Director - International Import
Giám Đốc Nhập Khẩu Quốc Tế



NHÂN GỐC SẢN PHẨM



IN FULL TRANSPARENCY.

SEMI SKIMMED MILK
1Le



MILK FROM GRASS FED COWS PROGRAM

RESPECTFUL OF OUR COWS
NON GMO
SOLIDARITY WITH OUR BREEDERS

www.prosperte-milk.com

SỮA Tươi Tách Béo Một Phần Tiệt Trùng UHT
ĐƯỢC LÀM TỪ 100% SỮA BÒ TƯƠI
FROM NON-GMO (<0.9%) FED COWS

Average nutritional values		
	For 100 ml	For 1 serving of 250 ml
Energy	195 kJ / 46 kcal	488 kJ / 116 kcal
Total Fat	1.6 g	4.0 g
Of which saturated fatty acids	1.0 g	2.5 g
Carbohydrates	4.8 g	12 g
Of which sugars	4.8 g	12 g
Protein	3.2 g	8.0 g
Salt	0.10 g	0.25 g
Cholesterol	120 mg	300 mg
	Equivalent to 15% of RNI*	Equivalent to 37.5% of RNI*

*Reference nutritional values

Sản xuất bởi INGREDA
51, avenue F. Lobbéde, CS60946
62033 ARRAS Cedex - France
Xuất xứ: Pháp
Lưu ý: Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.
Thế icon thực 1L



Bảo quản nơi khô thoáng. Sau khi mở chai, bảo quản ở 6°C, sử dụng trong vòng 4 ngày.



Nhập khẩu và phân phối bởi Công ty TNHH Đơn Vị EB, 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số TCB: 007/EB/2020

Testing Report / Báo cáo Kết quả Phân tích

Applicant / ref. (Khách hàng / số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Sữa tươi tách béo một phần tiệt trùng Prosperite
Sample description (Mô tả mẫu) : Sữa tươi tách béo một phần tiệt trùng Prosperite
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Mẫu nhận từ khách hàng
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 30-Jun-2020
Sample tested on (Ngày phân tích) : 01-Jul-2020

Testing Results / Kết quả phân tích

No./STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD / Giới hạn phát hiện	Test Method / Phương pháp phân tích
1	Benzyl penicillin (Penicillin G) (*)	µg/kg	Not detected	2.00	FST-WI01 chapter 10 (LC/MS/MS)
2	Chlortetracycline (*)	µg/kg	Not detected	10.0	FST-WI01 chapter 13 (Ref. AOAC 995.09:2005) (LC/MS/MS)
3	Dihydrostreptomycin (*)	µg/kg	Not detected	50.0	FST-WI01 chapter 22 (LC/MS/MS)
4	Gentamicin (*)	µg/kg	Not detected	50.0	FST-WI01 chapter 22 (LC/MS/MS)
5	Spiramycin (*)	µg/kg	Not detected	10.0	FST-WI01 chapter 07 (LC/MS/MS)
6	Aflatoxin M1 (*)	µg/kg	Not detected	0.50	FST-WI01 chapter 14 (Ref. AOAC 2000.08:2004) (LC/MS/MS)
7	Aldrin	mg/kg	Not detected	0.006	FST- WI06 chapter 40 (Ref. AOAC 2007.01 and EN 15662), GC/MS/MS
8	DDT	mg/kg	Not detected	0.01	FST- WI06 chapter 40 (Ref. AOAC 2007.01 and EN 15662), GC/MS/MS
9	Dieldrin	mg/kg	Not detected	0.006	FST- WI06 chapter 40 (Ref. AOAC 2007.01 and EN 15662), GC/MS/MS

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of Service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited

Food Office & Laboratory
M10, 11, 12, 13 KDT Nam Song Can Tho, Thanh Thuan Area,
Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn




WON: FST200614156-2
Date/Ngày: 10-Jul-2020

No./ STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD / Giới hạn phát hiện	Test Method / Phương pháp phân tích
10	Endosulfan	mg/kg	Not detected	0.01	FST- WI06 chapter 40 (Ref. AOAC 2007.01 and EN 15662), GC/MS/MS
11	Cyfluthrin	mg/kg	Not detected	0.01	FST- WI06 chapter 40 (Ref. AOAC 2007.01 and EN 15662), GC/MS/MS
12	Antimony content (Sb) (*)	mg/kg	Not detected	0.10	AOAC 964.16
13	Arsenic content (As) (*)	mg/kg	Not detected	0.10	AOAC 986.15:2005 Modified/AAS
14	Cadmium content (Cd) (*)	mg/kg	Not detected	0.10	AOAC 999.11:2005 Modified/AAS
15	Lead content (Pb) (*)	mg/kg	Not detected	0.02	AOAC 999.11:2005 Modified/AAS
16	Mercury content (Hg) (*)	mg/kg	Not detected	0.05	AOAC 974.14:2005 Modified/AAS
17	Protein (N*6.38) (*)	%wt	3.49	-	TCVN 8099-1 : 2015 (ISO 8968-1 : 2014)
18	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/ml	<1	-	ISO 21528-2: 2017
19	<i>Listeria monocytogenes</i>	CFU/ml	<1	-	ISO 11290-2:2017
20	Density (**)	g/mL	1.030 (20°C)	-	TCVN 7405:2009

Note /Ghi chú:

1. This testing result is only valid on tested sample/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. (*) Parameters are not accredited ISO 17025/Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO 17025
3. (**) Samples are sent to subcontractor/Mẫu được gửi đến nhà thầu phụ.
4. The test results in this document have been provided to Intertek by subcontractor and are passed on for informational purposes only. Intertek was not present during the subject testing and lists the results only at the request of our principal. Intertek makes no representation as to the quality of the material and assumes no responsibility for the accuracy of the test results, which remains solely with the above mentioned producer of the results. The issuing of this report does not constitute any representation or warranty concerning the information contained herein.
5. According to the test method of Microbiology, the result is expressed as less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony

On behalf of Intertek Vietnam-Cantho branch



Cao Việt Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of Service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited

Food Office & Laboratory
M10, 11, 12, 13 KDT Nam Song Can Tho, Thanh Thuan Area,
Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn
